TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CÀNG LONG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 62/2024/HN - ST Ngày: 20 - 8 - 2024 "V/v Tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thắng.
2. Ông Nguyễn Văn Điền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Ngoan – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 196/2024/TLST – HNGĐ, ngày 03 tháng 5 năm 2024. Về tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 139/2024/QĐXXST – HN, ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Phi Y, sinh năm 1995. Địa chỉ: ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu K, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Huỳnh Thị Phi Y trình bày: Bà với ông Nguyễn Hữu K do tìm hiểu quen biết, được gia đình hai bên đồng ý đi đến hôn nhân và có tổ chức lễ cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ. Nữ trang cưới có một đôi bông và 01

sợi dây chuyền nặng 3,5 chỉ vàng 24Kra; tất cả vợ chồng đồng ý bán, hiện nay không còn.

Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông K không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình nên đã ly thân nhau từ năm 2023 cho đến nay không hàn gắn được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể hàn gắn lại với nhau được nữa, bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu K.

Về con chung: Tên Nguyễn Hữu L, sinh ngày 19/02/2014 hiện đang sống bà Y; khi ly hôn bà Y yêu cầu giải quyết theo nguyện vong con, về cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra yêu cầu.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Bà Y khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai và trong quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Hữu K trình bày: Ông với bà Huỳnh Thị Phi Y do quen biết nhau, được cha mẹ đồng ý đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, nữ trang cưới có cho nhưng hiện không còn. Quá trình chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn gì chỉ do bà Y có quen người khác, từ đó mà vợ chồng xảy ra cự cãi và đã ly thân từ tháng 3/2023. Nay ông không đồng ý ly hôn, yêu cầu được đoàn tụ.

Về con chung: Tên Nguyễn Hữu L, sinh ngày 19/02/2014; hiện đang sống chung với bà Y; nếu trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì yêu cầu xem xét theo nguyện vọng con, cấp dưỡng nuôi con chưa đặt ra.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Ông K khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản khai cháu Nguyễn Hữu L trình bày: Cha cháu là Nguyễn Hữu K, mẹ là Huỳnh Thị Phi Y; nếu cha và mẹ cháu ly hôn nhau thì nguyện vọng cháu muốn được sống với cha.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long trình bày quan điểm cho rằng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý đến thời điểm này thẩm phán đã chấp hành đúng quy định theo Điều 48 của Bộ Luật tố tụng dân sự, đảm bảo về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời gian ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử, gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát, cấp tống đạt các văn bản tố tụng, đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ và đúng theo trình tự pháp luật quy định của phiên tòa sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng đối với nguyên đơn thực hiện đúng theo quy định Điều 70, 71 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Bị đơn

chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự như vắng mặt tại phiên hòa giải và công khai chứng cứ của Tòa án.

Về nội dung vụ án: Vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự; Luật Hôn nhân và gia đình và các quy định pháp luật có liên quan. Đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phi Y.

Về hôn nhân: Cho bà Huỳnh Thị Phi Y được ly hôn với ông Nguyễn Hữu K.

2. Về con chung: Cho ông Nguyễn Hữu K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hữu L, sinh 19/02/2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Hữu K không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

4. Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu phải trả: Đương sự không yêu cầu, đề nghị không xem xét.

5. Về án phí: Đương sự có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật, trừ trường hợp miễn nộp hoặc không phải nộp.

Tại phiên tòa có mặt bà Huỳnh Thị Phi Y là nguyên đơn và ông Nguyễn Hữu K là bị đơn. Các đương sự có mặt vẫn giữ lời trình bày và yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự trong vụ án và quan điểm của Viện kiểm sát. Tòa án nhân dân huyện Càng Long nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Y có nơi cư trú tại ấp N, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh và ông K có nơi cư trú ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Càng Long có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Về nội dung:

[3] Bà Y và ông K xác lập quan hệ hôn nhân năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh theo quy định của pháp luật được thể hiện tại giấy chứng nhận kết hôn số 14/2014 ngày 22/4/2024. Từ đó xác định hôn nhân giữa bà Y với ông K là hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo bà Y cho rằng do ông K không lo làm ăn, không quan tâm đến gia đình, từ đó vợ chồng cự cãi thường xuyên làm cho gia đình không hạnh phúc và đã ly thân nhau từ tháng 3/2023 cho đến nay không hàn gắn được. Nay bà yêu cầu được ly hôn với ông K.

Theo ông K thì cho rằng giữa ông với bà Y không có mâu thuẫn gì, chỉ do bà Y có quen người khác bên ngoài nên xảy ra cự cãi. Nay ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Y, ông xin được đoàn tụ vì còn thương vợ.

Căn cứ vào biên bản xác minh từ phía địa phương và gia đình của ông K cung cấp thì vợ chồng ông K và bà Y sống chung với gia đình ông K đã trên mười năm; nhưng khoảng hơn một năm mấy nay thì vợ chồng không còn sống chung với nhau nữa, còn nguyên nhân cụ thể như thế nào thì không rõ nhưng gia đình có nghe ông K nói lại là do bà Y có quen người bạn nam khác, nhắn tin qua lại, hẹn hò đi chơi nên vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, gia đình có khuyên hàn gắn nhưng không kết quả nên để các con tự quyết định.

Tại phiên tòa bà Y và ông K đều thừa nhận vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 3/2023 cho đến nay mạnh ai nấy sống. Và bà Y và ông K đều thừa nhận là trước đây thì bà Y đã gửi đơn yêu cầu giải quyết ly hôn tại Tòa án nhưng đã rút đơn khởi kiện để tạo điều kiện hàn gắn, do ông K không sửa đổi nên đến năm 2024 bà Y khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với ông K; cũng như tại các lời khai bà Y đều xác định tình cảm vợ chồng giữa bà và ông K không còn, hàn gắn không hạnh phúc.Từ đó nhận thấy mâu thuẫn giữa bà Y với ông K là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Y, không chấp nhận yêu cầu đoàn tụ của ông K. Cho bà Y và ông K được ly hôn với nhau là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Tên Nguyễn Hữu L, sinh 19/02/2014 hiện đang sống với bà Y; khi ly hôn thì bà Y và ông K đều yêu cầu giải quyết theo nguyện vọng con; xét thấy căn cứ vào lời khai thì nguyện vọng của cháu Hữu L muốn được sống với ông K. Do đó để đảm bảo tốt về điều kiện nuôi dưỡng cũng như phù hợp với nguyện vọng cháu Hữu L. Hội đồng xét xử xét thấy khi ly hôn giao ông K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hữu L là phù hợp với Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông K chưa đặt ra yêu cầu bà Y phải cấp dưỡng nuôi cháu Hữu L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung; Về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Quan điểm của Vị kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà Y có nghĩa vụ chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị Phi Y.

Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Phi Y và ông Nguyễn Hữu K được ly hôn.

2. Về con chung: Tên Nguyễn Hữu L, sinh 19/02/2014; khi ly hôn giao ông Nguyễn Hữu K được quyền trực tiếp nuôi dưỡng.

Sau khi ly hôn, người không nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung; về nợ chung phải thu, phải trả: Đương sự chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Bà Huỳnh Thị Phi Y có nghĩa vụ nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân. Đối với số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí mà bà Y đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003251, ngày 03 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long được khấu trừ số tiền án phí mà bà Y có nghĩa vụ chịu, do đó bà Y không phải nộp.

Ông Nguyễn Hữu K không phải chịu án phí sơ thẩm.

" Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết ".

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS huyện Càng Long;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Đại Phúc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh